

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ các Quyết định công bố thủ tục hành chính của Bộ Tư pháp: Số 40/QĐ-BTP ngày 08/1/2018; số 1442/QĐ-BTP ngày 26/6/2018; số 2338/QĐ-BTP ngày 06/9/2018; số 1329/QĐ-BTP ngày 01/6/2020; số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020; số 169/QĐ-BTP ngày 04/02/2021;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 58/TTr-STP ngày 18/10/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 36 (Ba mươi sáu) thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình (có Phụ lục kèm theo). Nội dung chi tiết thủ tục hành chính thực hiện theo các Quyết định công bố thủ tục hành chính của Bộ Tư pháp: Số 40/QĐ-BTP ngày 08/1/2018; số 1442/QĐ-BTP ngày 26/6/2018; số 2338/QĐ-BTP ngày 06/9/2018; số 1329/QĐ-BTP ngày 01/6/2020; số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020; số 169/QĐ-BTP ngày 04/02/2021.

**Điều 2.** Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, các cơ quan có liên quan xây dựng, ban hành quy trình nội bộ, quy trình chi tiết các thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này, thời hạn chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày Quyết định

này có hiệu lực thi hành; phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình; số 2918/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử của tỉnh (file điện tử);
- Lưu: VT, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lai Văn Hoàn**

**Phụ lục**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA TRONG LĨNH VỰC TƯ PHÁP**  
**THỰC HIỆN QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2609 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)*



STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>I. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT</b>						
1	2.001457. 000.00.00 .H54	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	Quyết định số 40/QĐ-BTP ngày 08/1/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp
2	2.001449. 000.00.00 .H54	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	Quyết định số 40/QĐ-BTP ngày 08/1/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp

<b>II. LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ</b>						
1	<b>2.000373. 000.00.00 .H54</b>	Thủ tục công nhận hòa giải viên	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	Quyết định số 2338/QĐ-BTP ngày 06/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực hòa giải cơ sở thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
2	<b>2.000333. 000.00.00 .H54</b>	Thủ tục công nhận Tổ trưởng Tổ hòa giải	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	
3	<b>2.000930. 000.00.00 .H54</b>	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	
4	<b>2.002080. 000.00.00 .H54</b>	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	
<b>III. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC</b>						
1	<b>2.002165. 000.00.00 .H54</b>	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý	- Trong trường hợp người yêu cầu bồi thường nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan giải quyết bồi thường tiếp nhận hồ sơ, ghi vào sổ nhận hồ sơ và cấp giấy xác nhận đã nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	Không quy định	Quyết định số 1442/QĐ-BTP ngày 26/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

		<p>người thi hành công vụ gây thiệt hại</p>	<p>cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải thông báo bằng văn bản về việc nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có thể yêu cầu người yêu cầu bồi thường bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường, người yêu cầu bồi thường phải bổ sung hồ sơ. Khoảng thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự không tính vào thời hạn quy định tại khoản này.</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 41 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 cơ quan giải quyết bồi thường phải thụ lý hồ sơ và vào</p>			<p>về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực bồi thường nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp</p>
--	--	---	---	--	--	---

			<p>sổ thụ lý.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải cử người giải quyết bồi thường.</li><li>- Trường hợp, người yêu cầu bồi thường đề nghị tạm ứng kinh phí bồi thường theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 41 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017, cơ quan giải quyết bồi thường tiến hành tạm ứng kinh phí bồi thường đối với những thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. Cụ thể, thời hạn thực hiện tạm ứng kinh phí bồi thường được thực hiện như sau: (1) Ngay sau khi thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường có trách nhiệm xác định giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 và đề xuất Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường việc tạm ứng kinh phí bồi thường và mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường; (2) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, nếu còn dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan giải</li></ul>			
--	--	--	--	--	--	--

		<p>quyết bồi thường phải hoàn thành việc tạm ứng kinh phí và chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp không còn đủ dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có văn bản đề nghị cơ quan tài chính có thẩm quyền tạm ứng kinh phí để chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Cơ quan tài chính có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan tài chính có thẩm quyền có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường. Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường quyết định mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường nhưng không dưới 50% giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc xác minh thiệt hại. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có</p>			
--	--	--	--	--	--

		<p>nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn xác minh thiệt hại là 30 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ. Thời hạn xác minh thiệt hại có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại làm căn cứ để thương lượng việc bồi thường.</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải quyết bồi thường phải tiến hành thương lượng việc bồi thường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiến hành thương lượng, việc thương lượng phải được hoàn thành. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn thương lượng tối đa là 15 ngày. Thời hạn thương lượng có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 10 ngày kể từ ngày hết thời</p>			
--	--	---	--	--	--



			<p>hạn quy định tại khoản này.</p> <p>- Ngay sau khi có biên bản kết quả thương lượng thành, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định giải quyết bồi thường và trao cho người yêu cầu bồi thường tại buổi thương lượng. Trường hợp người yêu cầu bồi thường không nhận quyết định giải quyết bồi thường thì người giải quyết bồi thường lập biên bản về việc không nhận quyết định. Biên bản phải có chữ ký của đại diện các cơ quan tham gia thương lượng. Biên bản phải nêu rõ hậu quả pháp lý của việc không nhận quyết định giải quyết bồi thường theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 51 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. Cơ quan giải quyết bồi thường phải gửi cho người yêu cầu bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.</p>			
--	--	--	--	--	--	--

IV. LĨNH VỰC HỘ TỊCH						
1.	<b>1.001193. 000.00.00 .H54</b>	Đăng ký khai sinh	Giải quyết ngay trong ngày sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	<p>- Nộp trực tiếp theo Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh Thái Bình quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí: 4.000 đồng/trường hợp.</p> <p>- Nộp hồ sơ theo dịch vụ công mức độ 3,4: Theo quy định tại Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 14/5/2021 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trên địa bàn tỉnh: 3000 đồng/ trường hợp</p> <p>- Miễn lệ phí đăng ký khai sinh trong trường hợp đăng ký đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.</p>	Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp

2.	<b>1.000689. 000.00.00 .H54</b>	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	- Lệ phí đăng ký khai sinh: 4.000 đồng/trường hợp; - Lệ phí (nếu có) đăng ký nhận cha, mẹ, con: 12.000 đồng/trường hợp. - Miễn lệ phí đăng ký khai sinh trong trường hợp đăng ký đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật	Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
3. 3	<b>1.004772. 000.00.00 .H54</b>	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 13 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	- 4.000 đồng/trường hợp. - Miễn lệ phí đăng ký khai sinh trong trường hợp đăng ký đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	
4.	<b>1.004884. 000.00.00 .H54</b>	Đăng ký lại khai sinh	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn nói trên được kéo dài không quá 13 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	- Nộp trực tiếp theo Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh Thái Bình quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí: 4.000 đồng/trường hợp. - Nộp hồ sơ theo dịch vụ công mức độ 3,4: Theo quy định tại Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 14/5/2021 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trên địa bàn tỉnh: 3000 đồng/ trường hợp	

					- Miễn lệ phí đăng ký khai sinh trong trường hợp đăng ký đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	
5.	<b>1.000894. 000.00.00 .H54</b>	Đăng ký kết hôn	Giải quyết ngay trong ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	Miễn lệ phí	Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
6.	<b>1.004746. 000.00.00 .H54</b>	Đăng ký lại kết hôn	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp cần phải xác minh (Ủy ban nhân dân cấp xã không phải là nơi đăng ký trước đây) thì thời hạn nói trên được kéo dài không quá 13 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	- 18.000 đồng/trường hợp. - Miễn lệ phí đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	
7.	<b>1.001022. 000.00.00 .H54</b>	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 08 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	- 12.000 đồng/trường hợp. - Miễn lệ phí đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	

8.	<b>1.000656. 000.00.00 .H54</b>	Đăng ký khai tử	Giải quyết ngay trong ngày sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	<p>- Nộp trực tiếp theo Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh Thái Bình quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí: 4.000 đồng/trường hợp.</p> <p>- Nộp hồ sơ theo dịch vụ công mức độ 3,4: Theo quy định tại Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 14/5/2021 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trên địa bàn tỉnh: 3000 đồng/ trường hợp- Miễn lệ phí đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
9.	<b>1.005461. 000.00.00 .H54</b>	Đăng ký lại khai tử	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	<p>- Nộp trực tiếp theo Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh Thái Bình quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí: 4.000 đồng/trường hợp.</p> <p>- Nộp hồ sơ theo dịch vụ công mức độ 3,4: Theo quy định tại Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 14/5/2021 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trên địa bàn tỉnh: 3000</p>	

					đồng/ trường hợp- Miễn lệ phí đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	
10.	<b>1.004873.000.00.00.H54</b>	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	<p>- Nộp trực tiếp theo Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh Thái Bình quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí: 12.000 đồng/trường hợp.</p> <p>- Nộp hồ sơ theo dịch vụ công mức độ 3,4: Theo quy định tại Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 14/5/2021 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trên địa bàn tỉnh: 9000 đồng/trường hợp</p> <p>- Miễn lệ phí đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
11.	<b>1.004837.000.00.00.H54</b>	Đăng ký giám hộ	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	Miễn lệ phí	

12.	<b>1.004845. 000.00.00 .H54</b>	Đăng ký chấm dứt giám hộ	Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	Miễn lệ phí.	Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
13.	<b>1.004859. 000.00.00 .H54</b>	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	<p>- Thủ tục thay đổi, cải chính hộ tịch: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.</p> <p>- Thủ tục bổ sung hộ tịch: Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	<p>- Nộp trực tiếp theo Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh Thái Bình quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí: 10.000 đồng/trường hợp.</p> <p>- Nộp hồ sơ theo dịch vụ công mức độ 3,4: Theo quy định tại Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 14/5/2021 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trên địa bàn tỉnh: 8.000</p>	Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức

					đồng/trường hợp - Miễn lệ phí đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	năng quản lý của Bộ Tư pháp
14.	<b>1.003583.000.00.00.H54</b>	Đăng ký khai sinh lưu động	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Trực tiếp tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động, bảo đảm thuận lợi cho người dân.	- 4.000 đồng/trường hợp. - Miễn lệ phí đăng ký khai sinh trong trường hợp đăng ký đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
15.	<b>1.000419.000.00.00.H54</b>	Đăng ký khai tử lưu động	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Trực tiếp tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động, bảo đảm thuận lợi cho người dân.	- 4.000 đồng/trường hợp. - Miễn lệ phí đăng ký khai tử trong trường hợp đăng ký đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	



16.	<b>1.000593. 000.00.00 .H54</b>	Đăng ký kết hôn lưu động	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Trực tiếp tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động, bảo đảm thuận lợi cho người dân.	Miễn lệ phí	Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
17.	<b>2.000635. 000.00.00 .H54</b>	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	

#### V. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC

1.	<b>2.000815. 000.00.00 .H54</b>	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	2.000 đồng/trang. Từ trang thứ 3 trở đi: 1.000 đồng/trang, tối đa không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	Quyết định số 1329/QĐ-BTP ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực
----	---	---	---	---	--	--

			khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời gian quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
2.	<b>2.000884. 000.00.00 .H54</b>	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điếm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điếm chỉ được)	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).	Quyết định số 1329/QĐ-BTP ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

3.	<b>2.000913. 000.00.00 .H54</b>	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	Quyết định số 1329/QĐ-BTP ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
4.	<b>2.000927. 000.00.00 .H54</b>	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	
5.	<b>2.000942. 000.00.00 .H54</b>	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	2.000 đồng/trang. Từ trang thứ 3 trở đi: 1.000 đồng/trang, tối đa không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	

6.	<b>2.001035. 000.00.00 .H54</b>	Chứng thực Hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	Không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	Quyết định số 1329/QĐ-BTP ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
7.	<b>2.001019. 000.00.00 .H54</b>	Chứng thực di chúc	Không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	50.000 đồng/di chúc.	
8.	<b>2.001016. 000.00.00 .H54</b>	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	50.000 đồng/văn bản.	Quyết định số 1329/QĐ-BTP ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa

			phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			đổi, bổ sung trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
9.	<b>2.001406.000.00.00.H54</b>	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	50.000 đồng/văn bản.	Quyết định số 1329/QĐ-BTP ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
10.	<b>2.001009.000.00.00.H54</b>	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	50.000 đồng/văn bản.	

<b>VI. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI</b>						
1.	<b>2.001263. 000.00.00 .H54</b>	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	<p>Trong thời hạn 25 ngày, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</li> <li>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến;</li> <li>- Thời gian cấp Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước, Ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức giao - nhận con nuôi: 03 ngày, kể từ ngày hết hạn thay đổi ý kiến đồng ý.</li> </ul>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức thu lệ phí: 400.000đ/trường hợp.</li> <li>- Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.</li> </ul>	Quyết định số 169/QĐ-BTP ngày 04/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
2.	<b>2.001255. 000.00.00 .H54</b>	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	